

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MD02290** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh chuyên ngành**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTTV0170	Nguyễn Thị Mỹ Chi	01/11/2006				7	5	7			9.2		8.0
2	21BTTV0171	Nguyễn Hữu Duy	12/04/2006				9	9	8			9.0		8.8
3	21BTTV0172	Nguyễn Duy Đạt	22/10/2006				7	7	6			8.4		7.7
4	21BTTV0174	Nguyễn Dương Chí Hải	29/05/2005				8	7	8			9.4		8.7
5	21BTTV0184	Triệu Trần Văn Tiến Sỹ	02/04/2006				8	8	9			9.4		9.0
6	21BTTV0186	Võ Minh Thuận	23/08/2004				9.5	7.5	8			9.6		9.0
7	21BTTV0187	Phạm Hồng Trí Thức	13/06/2005				7	6	8.5			9.4		8.5
8	21BTTV0188	Nguyễn Thị Thùy Trang	22/11/2006				7	8	8			9.6		8.9
9	21BTTV0189	Nguyễn Hoàng Trọng	11/01/2004				7.5	5	8.5			7.6		7.3
10	21BTTV0191	Nguyễn Hữu Vinh	30/06/2003				9	8	9.5			9.4		9.2
11	21BTTV0581	Mai Minh Duy	18/02/2006				8.5	9	9.5			9.0		9.0

Châu Đốc, ngày 4 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh